TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ THUẬN AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 27-4-2018
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Anh Thi.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Sơn;

2. Bà Võ Thị Thu Thủy.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Đặng Thị Thu Hiền, là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 1510/2017/TLST-HGNĐ ngày 20 tháng 12 năm 2017 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 28-3-2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Bích N, sinh năm 1987; nơi ĐKHKTT: 177/2, khu phố T, phường A, thị xã T, tỉnh B. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H, Luật sư Văn phòng Luật sư D thuộc Đoàn Luật sư tỉnh B. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Phạm Lương S, sinh năm 1977; nơi ĐKHKTT: 177/2, khu phố T, phường A, thị xã T, tỉnh B. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ Trong đơn khởi kiện ngày 13 tháng 12 năm 2017, bản tự khai, quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Huỳnh Thị Bích N trình bày:

Bà Huỳnh Thị Bích N và ông Phạm Lương S tự nguyện tìm hiểu, chung sống và được hai gia đình đồng ý, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn, ngày 30-5-2008 tại UBND phường A, thị xã T, tỉnh B.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến khoảng năm 2012 thì vợ chồng chung sống không hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn do v ợ chồng

tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, tình cảm vợ chồng ngày càng bị rạn nứt. Vợ chồng không có tiếng nói chung nên thường xuyên lớn tiếng, cãi vã, không thể hòa hợp. Hai vợ chồng đã ly thân từ tháng 6-2017 cho đến nay, không còn ai quan tâm đến cuộc sống của nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay bà N xác định tình cảm không còn đối với ông S. Vì vậy, yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Phạm Lương S.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Phạm Huỳnh Thiên Y, sinh ngày 20-8-2009. Bà Huỳnh Thị Bích N yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, bà Huỳnh Thị Bích N không yêu cầu ông Phạm Lương S cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Ngày 02-01-2018 bà N có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng gồm có: 01 xe ô tô nhãn hiệu Toyota Innova giá trị tạm tính khoảng 400.000.000 đồng, khoản tiền 200.000.000 đồng đang gửi tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Phòng Giao dịch Búng và khoản tiền mặt 200.000.000 đồng. Tuy nhiên, đến ngày 15-3-2018 bà N đã rút yêu cầu khởi kiện bổ sung nêu trên và đề nghị Tòa án ghi nhận sự tự nguyện của bà về việc không yêu cầu Tòa án chia tài sản khi ly hôn.

Chứng cứ, tài liệu nguyên đơn cung cấp: Bản sao: Sổ hộ khẩu, sổ tạm trú; giấy chứng minh nhân dân của bà N; giấy đăng ký kết hôn; giấy khai sinh con chung.

+ Trong biên bản lấy lời khai ngày 29-12-2017 ông Phạm Lương S trình bày:

Thống nhất về quan hệ hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn và về con chung như bà N trình bày. Ông S đồng ý với yêu cầu ly hôn của bà N và tự nguyện giao con chung tên Phạm Huỳnh Thiên Y, sinh ngày 20-8-2009 cho bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông S không cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Tuy nhiên, tại bản ý kiến về việc ly hôn và chia tài sản khi ly hôn ngày 01-02-2018; ý kiến bổ sung về việc ly hôn ngày 13-4-2018 và quá trình hòa giải bị đơn ông Phạm Lương S thay đổi ý kiến, cụ thể:

Ông S cho rằng mâu thuẫn của vợ chồng không có gì trầm trọng, ông vẫn còn yêu thương vợ con nên không đồng ý yêu cầu xin ly hôn. Ngoài ra, ông S đề nghị, nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N thì ông S muốn được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc "Chia tài sản khi ly hôn".

- Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", đình chỉ yêu cầu khởi kiện về việc "Chia tài sản khi ly hôn".

- Vị đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ

các quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa xem như từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình.

Về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử như sau: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", đình chỉ yêu cầu khởi kiện về việc "Chia tài sản khi ly hôn".

Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn ông Phạm Lương S đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án tiến hành xét xử theo Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Ngày 02-01-2018, bà N nộp đơn khởi kiện bổ sung về việc yêu cầu chia tài sản khi ly hôn là 01 xe ô tô nhãn hiệu Toyota Innova giá trị khoảng 400.000.000 đồng, 200.000.000 đồng gửi tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Phòng Giao dịch Búng và 200.000.000 đồng tiền mặt do ông S trực tiếp quản lý. Tuy nhiên, đến ngày 15-3-2018 bà N có đơn rút yêu cầu khởi kiện bổ sung này. Tại phiên tòa, bà N giữ nguyên việc rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc "Chia tài sản khi ly hôn". Việc rút yêu cầu khởi kiện bổ sung của bà N là tự nguyện nên chấp nhận theo Khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Bà N được quyền khởi kiện lại khi có yêu cầu.

Do ngày 15-3-2018 bà N có đơn rút yêu cầu khởi kiện bổ sung về việc "Chia tài sản khi ly hôn" nên Tòa án không đưa Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam và ông Phạm Trường T vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Nguyên đơn bà Huỳnh Thị Bích N và bị đơn ông Phạm Lương S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo Giấy đăng ký kết hôn số 89 ngày 30-5-2008 tại Ủy ban nhân dân phường A, thị xã T, tỉnh B nên hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

[3]. Xét yêu cầu của nguyên đơn thì:

Theo bà N trình bày, sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, hai vợ chồng không thể hòa hợp được với nhau. Khoảng tháng 6-2017,

trong lúc vợ chồng cãi nhau, ông S đã đánh bà N nên bà N đưa con về nhà cha mẹ ruột sinh sống nên vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay.

Ông S không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn vì cho rằng còn thương yêu vợ con nhưng ông S không đến Tòa án tham gia phiên tòa để Hội đồng xét xử hòa giải vợ chồng đoàn tụ. Hơn nữa, từ khi ly thân ông S không thường xuyên đến thăm hỏi, chăm sóc con chung, hòa giải mâu thuẫn vợ chồng. Điều này thể hiện ông S không có thiện chí quay về đoàn tụ, xây dựng gia đình hạnh phúc. Hơn nữa, theo biên bản hòa giải và biên bản đối chất ngày 19-3-2018, ông S thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng là có trên thực tế, trong lúc vợ chồng cãi nhau, ông S có đánh bà N và vợ chồng ly thân từ tháng 6-2017 cho đến nay. Điều đó cho thấy quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông S không đạt được các yếu tố của một gia đình hạnh phúc, bền vững, hiện nay mỗi người có cuộc sống riêng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của bà N về việc xin ly hôn với ông S.

Theo bản sao giấy khai sinh số 899/2009 ngày 08-6-2015 của Ủy ban nhân dân xã M, huyện U, tỉnh K thì bà N và ông S có 01 con chung tên: Phạm Huỳnh Thiên Y, sinh ngày 20-8-2009. Theo bà N trình bày thì từ khi ly thân đến nay, con chung do bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, ông S không đến thăm nom, cấp dưỡng và có trách nhiệm gì với con chung nên khi ly hôn, bà N yêu cầu trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con. Căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt, nhu cầu thiết yếu cũng như nguyện vọng của con chung, tiếp tục giao con chung cho bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Từ những phân tích trên, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Bích N về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" với ông Phạm Lương S. Bà N được ly hôn với ông S, giao con chung cho bà N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, ghi nhận sự tự nguyện của bà N về việc không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con. Đình chỉ đối với yêu cầu chia tài sản khi ly hôn của bà N.

Ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp.

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Nguyên đơn tự nguyện chịu và đã nộp đủ.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Khoản 3 Điều 228, Khoản 2 Điều 244, Điều 266 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án năm 2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Bích N về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con " đối với ông Phạm Lương S.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Bích N được ly hôn với ông Phạm Lương S.

- Về con chung: Giao con chung tên Phạm Huỳnh Thiên Y, sinh ngày 20-8-2009 cho bà Huỳnh Thị Bích N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận sự tự nguyện của bà N về việc không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

2. Đình chỉ đối với yêu cầu chia tài sản khi ly hôn của bà Huỳnh Thị Bích N đối với ông Phạm Lương S. Bà N được quyền khởi kiện lại khi có yêu cầu.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Nguyên đơn tự nguyện chịu và đã nộp đủ.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Bà Huỳnh Thị Bích N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0018280 ngày 19-12-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Thuận An.

Trả lại cho bà Huỳnh Thị Bích N số tiền 10.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0018371 ngày 08-01-2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Thuận An.

5. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phạm Anh Thi

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã T;
- THADS thị xã Thuận An;
- Đương sự;
- UBND phường A, thị xã T, tỉnh Bình Dương;
- Phòng Tư pháp thị xã T;
- Lưu HS, AV.